

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

SCIC Chi nhánh phía Nam	
ĐẾN	07-04-2016
Số CV đến:.....	1067.....

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

### CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC

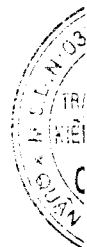


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 35

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Trà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Trà Bắc (tên giao dịch là: Tra Bac Joint Stock Corporation; tên viết tắt là: TRABACO) (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2509/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100266310 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 27 tháng 04 năm 2006 và đã điều chỉnh lần 07 ngày 01 tháng 06 năm 2011 về bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 63.356.030.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

#### ▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.  
Điện thoại : +84 (74) – 3852 523 – 3852 561  
Fax : +84 (74) – 3854 857  
Mã số thuế : 2 1 0 0 2 6 6 3 1 0

#### ▪ Xí nghiệp Phú Vinh

Địa chỉ : Khu phố 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.  
Điện thoại : +84 (74) – 3882 035 – 3885 059  
Fax : +84 (74) – 3883 483

#### ▪ Xí nghiệp Đức Mỹ

Địa chỉ : Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.  
Điện thoại : +84 (74) – 3589 002  
Fax : +84 (74) – 3589 094

### 3. Ngành nghề hoạt động

- Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm: than hoạt tính, xơ dừa, thềm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;

- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan.

#### **4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

##### **4.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Huỳnh Khắc Nhu	Chủ tịch
Ông Lâm Chấn Kỳ	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Quang Khải	Thành viên
Ông Hồ San Nin	Thành viên

##### **4.2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Hồ Thị Á	Trưởng ban
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Dinh	Thành viên

##### **4.3. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Huỳnh Khắc Nhu	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Kinh Luân	Kế toán trưởng

#### **5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Khắc Nhu – Tổng Giám đốc.

#### **6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

#### **7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

## 10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



HUỲNH KHẮC NHU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Số: 2172/16/BCKT/AUD-VVALUES

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016 (từ trang 07 đến trang 35) của Công ty Cổ phần Trà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trà Bắc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Trà Bắc được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Đặng Minh Tuyền – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số: 2701-2013-071-1

### **Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>105.382.559.616</b>	<b>79.674.565.027</b>
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.764.617.625	3.789.951.255
111	1. Tiền		4.764.617.625	3.789.951.255
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>715.790.000</b>	<b>715.790.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	715.790.000	715.790.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>16.648.395.473</b>	<b>16.414.991.947</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	15.733.482.727	15.490.221.570
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	3.426.220.512	2.959.499.791
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	535.896.366	726.570.454
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(3.047.204.132)	(2.761.299.868)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>77.245.401.075</b>	<b>56.698.776.721</b>
141	1. Hàng tồn kho		79.325.681.335	59.395.331.503
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.080.280.260)	(2.696.554.782)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.008.355.443</b>	<b>2.055.055.104</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	432.294.379	213.375.887
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.195.443.944	1.811.903.156
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		380.617.120	29.776.061
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>64.823.152.104</b>	<b>42.314.474.963</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>63.699.862.495</b>	<b>41.920.522.981</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	60.274.484.831	38.411.696.705
222	- Nguyên giá		117.388.355.721	89.312.460.978
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.113.870.890)	(50.900.764.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	3.425.377.664	3.508.826.276
228	- Nguyên giá		4.068.920.228	4.068.920.228
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(643.542.564)	(560.093.952)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.040.575.059</b>	<b>160.854.330</b>
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	1.040.575.059	160.854.330
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>82.714.550</b>	<b>233.097.652</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	30.771.811	151.190.055
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		51.942.739	81.907.597
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>170.205.711.720</b>	<b>121.989.039.990</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>75.391.746.885</b>	<b>27.158.752.908</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>61.861.746.885</b>	<b>27.158.752.908</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	8.164.895.940	2.828.799.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	3.986.865.712	2.542.151.182
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	97.264.087	492.214.228
314	4. Phải trả người lao động	V.15	3.110.195.092	2.528.962.981
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	5.476.563.957	6.396.837.233
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	1.032.170.832	1.812.809.893
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18.1	39.388.797.768	9.872.297.820
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	604.993.497	684.680.480
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.530.000.000</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18.2	13.530.000.000	-
400	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>94.813.964.835</b>	<b>94.830.287.082</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>94.813.964.835</b>	<b>94.830.287.082</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		63.356.030.000	63.356.030.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		63.356.030.000	63.356.030.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.368.170.000	1.368.170.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		19.469.578.755	18.027.294.789
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.620.186.080	12.078.792.293
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước		1.915.862.443	1.915.862.443
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		8.704.323.637	10.162.929.850
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>170.205.711.720</b>	<b>121.989.039.990</b>

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

*Handwritten signature*

NGÔ KINH LUÂN



HUỲNH KHẮC NHU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	274.251.772.495	305.937.137.509
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	760.725.068	1.047.260.286
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	273.491.047.427	304.889.877.223
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.4	229.993.664.339	262.007.024.447
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.497.383.088	42.882.852.776
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.5	1.703.110.337	784.598.534
22	7. Chi phí tài chính	VI.6	3.156.409.800	749.003.274
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.410.607.624	477.559.984
25	8. Chi phí bán hàng	VI.7	19.096.430.527	19.737.924.616
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.8	11.414.857.558	11.837.074.464
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.532.795.540	11.343.448.956
31	11. Thu nhập khác	VI.9	820.691.351	1.725.078.899
32	12. Chi phí khác	VI.10	464.531.204	45.472.774
40	13. Lợi nhuận khác		356.160.147	1.679.606.125
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.888.955.687	13.023.055.081
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.14	3.154.667.192	2.835.117.937
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	29.964.858	25.007.294
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.704.323.637	10.162.929.850
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.12	1.223	1.428

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGÔ KINH LUÂN

HUỖNH KHÁC NHƯ



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.888.955.687	13.023.055.081
	2. Điều chỉnh các khoản		10.729.491.420	11.305.816.486
02	- Khấu hao tài sản cố định		9.095.649.455	7.571.419.356
03	- Các khoản dự phòng		(330.370.258)	3.275.917.552
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		126.252.847	47.282.530
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		427.351.752	(66.342.936)
06	- Chi phí lãi vay		1.410.607.624	477.539.984
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.618.447.107	24.328.871.567
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.223.724.779)	14.050.708.216
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.930.349.832)	(20.569.172.283)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		4.976.533.096	(3.675.370.593)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(98.500.248)	405.409.169
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.180.840.666)	(477.539.984)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.820.042.499)	(3.145.886.586)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.197.609.267)	(526.090.420)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.856.087.088)	10.390.929.086
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(31.998.264.574)	(10.680.568.917)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(243.554.876)	55.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		59.758.000	59.758.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.182.061.450)	(10.565.083.644)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		194.942.835.952	156.020.233.088
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(151.896.336.004)	(157.094.381.698)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.033.685.040)	(6.335.603.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		36.012.814.908	(7.409.751.610)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		974.666.370	(7.583.906.168)
60	Tiền và tương đương đầu năm		3.789.951.255	11.514.324.619
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(140.467.196)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	4.764.617.625	3.789.951.255

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trưởng Giám Đốc

NGUYỄN KINH LUÂN

HUỲNH KHẮC NHƯ

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trà Bắc (tên giao dịch là: TraBac Joint Stock Corporation, tên viết tắt là: TRABACO) (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2509/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ, sản xuất từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm: than hoạt tính, xơ dừa, thềm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Xí nghiệp Phú Vinh	Khu phố 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
2. Xí nghiệp Đức Mỹ	Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài

chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 220 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 208 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính*

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 16
Máy móc và thiết bị	06 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 07
Thiết bị và dụng cụ quản lý	02 – 03

### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 50 năm.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **11. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

### **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

### **16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **18. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.540 VNĐ/USD.

## **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

### **- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	145.345.099	132.144.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.619.272.526	3.657.806.404
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.764.617.625</b>	<b>3.789.951.255</b>

**2. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu</i>						
- Ngân hàng TMCP	715.790.000	1.111.498.800	-	715.790.000	824.660.400	-
Công thương Việt Nam						
<b>Cộng</b>	<b>715.790.000</b>	<b>1.111.498.800</b>	<b>-</b>	<b>715.790.000</b>	<b>824.660.400</b>	<b>-</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	15.733.482.727	15.490.221.570
- Công ty TNHH Actica	3.043.471.124	3.664.612.000
- Công ty TNHH Meiwa	1.777.620.900	1.513.709.120
- Công ty TNHH Khai thác vàng Bồng Miêu	1.736.028.000	1.760.000.000
- Công ty TNHH Calgon Carbon	1.443.472.800	-
- Các đối tượng khác	7.732.889.903	8.551.900.450
<b>Cộng</b>	<b>15.733.482.727</b>	<b>15.490.221.570</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	3.426.220.512	2.959.499.791
- DNTN TGD Bảy Khuynh	852.531.600	265.809.400
- DNTN Nguyễn Phương	508.512.400	508.512.400
- Cơ sở tư nhân Vĩnh Hòa	311.227.400	-
- Công ty TNHH Gem Allied	302.880.000	-
- Các đối tượng khác	1.451.069.112	2.185.177.991
<b>Cộng</b>	<b>3.426.220.512</b>	<b>2.959.499.791</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	535.896.366	-	726.570.454	-
- Tạm ứng của các bên khác	497.564.666	-	724.115.354	-
- Các khoản phải thu khác	38.331.700	-	2.455.100	-
<b>Cộng</b>	<b>535.896.366</b>	<b>-</b>	<b>726.570.454</b>	<b>-</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.761.299.868	1.740.493.271
Trích lập dự phòng bổ sung	350.304.2646	1.020.806.597
Hoàn nhập dự phòng	(64.400.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.047.204.132</b>	<b>2.761.299.868</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.333.294.291	-	26.939.998.905	-
Công cụ, dụng cụ	274.029.684	-	248.193.650	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.999.649.640	-	4.265.022.040	-
Thành phẩm	35.989.245.725	(2.080.280.260)	27.851.551.798	(2.696.554.782)
Hàng hóa	729.461.995	-	90.565.110	-
<b>Cộng (*)</b>	<b>79.325.681.335</b>	<b>(2.080.280.260)</b>	<b>59.395.331.503</b>	<b>(2.696.554.782)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	432.294.379	213.375.887
<b>Cộng</b>	<b>432.294.379</b>	<b>213.375.887</b>

**8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	30.771.811	151.190.055
<b>Cộng</b>	<b>30.771.811</b>	<b>151.190.055</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	44.481.250.466	41.583.367.113	3.247.843.399	89.312.460.978
Tăng trong năm	6.965.368.284	23.341.121.989	812.053.572	31.118.543.845
- Tăng do mua mới	-	4.661.500.000	812.053.572	5.473.553.572
- Tăng do đầu tư XDDB hoàn thành	6.965.368.284	18.390.121.941	-	25.355.490.225
- Tăng khác	-	289.500.048	-	289.500.048
Giảm trong năm	(554.079.365)	(2.488.569.737)	-	(3.042.649.102)
- Thanh lý, nhượng bán	(554.079.365)	(2.199.069.689)	-	(2.753.149.054)
- Giảm khác	-	(289.500.048)	-	(289.500.048)
<b>Số cuối năm</b>	<b>50.892.539.385</b>	<b>62.435.919.365</b>	<b>4.059.896.971</b>	<b>117.388.355.721</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	3.262.263.561	15.727.831.278	864.662.316	19.854.757.155
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	18.832.196.971	30.755.764.163	1.312.803.139	50.900.764.273
Khấu hao trong năm	3.716.622.035	4.842.813.807	452.765.001	9.012.200.843
Thanh lý, nhượng bán	(468.085.108)	(2.331.009.118)	-	(2.799.094.226)
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.080.733.898</b>	<b>33.267.568.852</b>	<b>1.765.568.140</b>	<b>57.113.870.890</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	25.649.053.495	10.827.602.950	1.935.040.260	38.411.696.705
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.811.805.487</b>	<b>29.168.350.513</b>	<b>2.294.328.831</b>	<b>60.274.484.831</b>

(\*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 24.976.069.235 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.18).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.009.058.328	59.861.900	4.068.920.228
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.009.058.328</b>	<b>59.861.900</b>	<b>4.068.920.228</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	59.861.900	59.861.900
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	500.232.052	59.861.900	560.093.952
Khấu hao trong năm	83.448.612	-	83.448.612
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>583.680.664</b>	<b>59.861.900</b>	<b>643.542.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.508.826.276	-	3.508.826.276
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.425.377.664</b>	<b>-</b>	<b>3.425.377.664</b>

(\*) Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 3.425.377.664 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.18).

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	160.854.330	34.726.350.421	(25.355.490.225)	(9.025.737.212)	505.977.314
Xây lò hoạt hóa số 4	4.818.182	25.350.672.043	(25.355.490.225)	-	-
Chế tạo máy hút bụi mới	-	314.224.504	-	-	314.224.504
Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	156.036.148	9.061.453.874	-	(9.025.737.212)	191.752.810
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	534.597.745	-	-	534.597.745
<b>Cộng</b>	<b>160.854.330</b>	<b>35.260.948.166</b>	<b>(25.355.490.225)</b>	<b>(9.025.737.212)</b>	<b>1.040.575.059</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>8.164.895.940</b>	<b>2.828.799.091</b>
- Công ty TNHH xây dựng Lê Quang	4.448.790.312	425.797.508
- Công ty TNHH Công Nghệ Khang Duy	993.450.000	-
- DNTN CB và KD Than Cảng Sài Gòn	713.894.410	277.569.138
- Cờ sở tư nhân Thông Thuận	386.362.400	320.053.200
- Công ty TNHH Tấn Trường Đạt	322.003.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Cừ Long	205.800.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.094.595.818	1.805.379.245
<b>Cộng</b>	<b>8.164.895.940</b>	<b>2.828.799.091</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>3.986.865.712</b>	<b>2.542.151.182</b>
- Công ty TNHH Meiwa	2.238.065.696	-
- Công ty TNHH Dong fang Huali, Yixing	682.181.136	682.181.136
- Công ty TNHH Coconut Vina Tp.HCM	325.833.750	-
- Các nhà cung cấp khác	740.785.130	1.859.970.046
<b>Cộng</b>	<b>3.986.865.712</b>	<b>2.542.151.182</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	855.297.499	(855.297.499)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	392.924.743	-	3.154.667.192	(3.820.042.499)	-	272.450.564
- Thuế thu nhập cá nhân	-	29.776.061	63.283.488	(135.588.856)	-	102.081.429
- Thuế nhà đất	3.198.936	-	1.112.957.403	(1.122.241.466)	-	6.085.127
- Thuế khác	96.090.549	-	517.573.755	(516.400.217)	97.264.087	-
<b>Cộng</b>	<b>492.214.228</b>	<b>29.776.061</b>	<b>5.703.779.337</b>	<b>(6.449.570.537)</b>	<b>97.264.087</b>	<b>380.617.120</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.888.955.687	13.023.055.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	671.240.025	1.746.867.058
+ Chi phí không được trừ	411.526.328	1.337.329.071
+ Chi phí trích trước hội nghị khách hàng	259.713.697	409.537.987
- Các khoản điều chỉnh giảm	(469.295.987)	(59.758.000)
+ Cổ tức được chia	(59.758.000)	59.758.000
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(409.537.987)	(534.574.453)
Thu nhập chịu thuế	12.090.899.725	14.175.589.686
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế của thuế suất ưu đãi (20%)	5.853.232.340	14.175.589.686
Thu nhập chịu thuế của thuế suất phổ thông (22%)	6.237.667.385	-
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (20%)	1.170.646.468	2.835.117.937
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (22%)	1.372.286.825	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [1]	2.542.933.293	2.835.117.937
Thuế TNDN bổ sung năm 2012-2014 [2]	611.733.899	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ([3]=[1]+[2])</b>	<b>3.154.667.192</b>	<b>2.835.117.937</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**15. Phải trả người lao động**

Là lương tháng 12 và tháng 13 còn phải chi.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước sửa chữa lớn lò hoạt hóa số 1	2.876.363.637	2.156.363.637
- Trích trước sửa chữa lớn lò hoạt hóa số 2	1.440.000.000	720.000.000
- Trích trước sửa chữa lớn lò hoạt hóa số 3	743.991.168	2.920.364.009
- Các chi phí trích trước khác	416.209.152	600.109.587
<b>Cộng</b>	<b>5.476.563.957</b>	<b>6.396.837.233</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	362.530.380	-
- Các khoản phải trả khác	669.640.452	1.812.809.893
<b>Cộng</b>	<b>1.032.170.832</b>	<b>1.812.809.893</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	38.088.797.768	38.088.797.768	9.872.297.820	9.872.297.820
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <sup>(1)</sup>	33.975.834.861	33.975.834.861	7.625.462.460	7.625.462.460
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	4.112.962.907	4.112.962.907	2.246.835.360	2.246.835.360
Vay dài hạn đến hạn trả	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.388.797.768</b>	<b>39.388.797.768</b>	<b>9.872.297.820</b>	<b>9.872.297.820</b>

**▪ Chi tiết vay ngắn hạn****1. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh**

Hợp đồng tín dụng số 204/2015-HĐTDHM/NHCT980 - CTCP Trà Bắc ngày 20 tháng 05 năm 2015.

- + Hạn mức : 60.000.000.000 VNĐ;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo :
  - + Quyền sử dụng đất diện tích 3.608,6 m<sup>2</sup>, Quốc lộ 53, khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, Trà Vinh ;
  - + Quyền sử dụng đất diện tích 20.820 m<sup>2</sup>, Quốc lộ 54, Rạch Lợp, Tân Hùng, Tiểu Cần, Trà Vinh ;
  - + Quyền sử dụng đất diện tích 32.609,4 m<sup>2</sup>, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh ;
  - + Quyền sử dụng đất diện tích 8.994,7 m<sup>2</sup>, Quốc lộ 53, khóm 5, thị trấn Càng Long, Trà Vinh ;
  - + Toàn bộ nhà xưởng, nhà kho, văn phòng, nhà làm việc tại xí nghiệp Phú Vinh, xí nghiệp Rạch Lợp, trụ sở công ty tại phường 4, thành phố Trà Vinh.

**2. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh**

Hợp đồng vay số 898/NHNT.TV.15 ngày 11 tháng 12 năm 2015.

- + Hạn mức : 25.000.000.000 VNĐ;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo :
  - + Thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 3.542,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại ấp Long Bình, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;
  - + Thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.037,7 m<sup>2</sup>, thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7 tại ấp Long Bình, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.530.000.000	13.530.000.000	-	-
- Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	13.530.000.000	13.530.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.530.000.000</b>	<b>13.530.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Là khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay số 07/2015/HĐVV-QĐTPT ngày 15 tháng 04 năm 2015.

- + Hạn mức : 16.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : 10,5%/năm (lãi suất được điều chỉnh theo quyết định của UBND tỉnh Trà Vinh).
- + Mục đích vay : Xây dựng lò hoạt hóa số 4.
- + Hình thức đảm bảo : + Thẻ chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 798099, địa chỉ ấp Long Bình, phường 4, thành phố Trà Vinh;  
+ Toàn bộ tài sản hình thành sau khi đầu tư xây dựng lò hoạt hóa số 4.

**Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.300.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	13.000.000.000	-
Trên 5 năm	530.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.830.000.000</b>	<b>-</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	684.680.480	264.156.979
- Trích lập trong năm	1.198.972.284	1.032.783.921
- Sử dụng trong năm	(1.278.659.267)	(612.260.420)
<b>Cộng</b>	<b>604.993.497</b>	<b>684.680.480</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của cổ đông Nhà nước	45,68	28.938.000.000	45,68	28.938.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	54,32	34.418.030.000	54,32	34.418.030.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>63.356.030.000</b>	<b>100,00</b>	<b>63.356.030.000</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.356.030.000	63.356.030.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	63.356.030.000	63.356.030.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.602.723.600	6.335.603.000

**20.4 Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.335.603	6.335.603
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	6.335.603	6.335.603
- Cổ phiếu phổ thông	6.335.603	6.335.603
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.335.603	6.335.603
- Cổ phiếu phổ thông	6.335.603	6.335.603
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.5 Phân phối lợi nhuận**

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>12.078.792.293</b>
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm nay	8.704.323.637
Giảm trong năm (*)	(10.162.929.850)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014	(1.117.922.284)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2014	(1.442.283.966)
- Cổ tức phải trả năm 2014	(7.602.723.600)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.620.186.080</b>

(\*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQHD-TBC ngày 24/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)

### 1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Than hoạt tính, than nguyên liệu	146.395.605.943	153.131.607.741
- Sản phẩm từ trái dừa	127.856.166.552	152.805.529.768
Cộng	<u>274.251.772.495</u>	<u>305.937.137.509</u>

### 2. Các khoản giảm trừ

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	893.248	2.092.716
- Hàng bán bị trả lại	748.986.820	6.053.780
- Giảm giá hàng bán	10.845.000	743.644.635
- Thuế xuất khẩu than	-	295.469.155
Cộng	<u>760.725.068</u>	<u>1.047.260.286</u>

### 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Than hoạt tính, than nguyên liệu	145.634.880.875	152.829.631.692
- Sản phẩm từ trái dừa	127.856.166.552	152.060.245.531
Cộng	<u>273.491.047.427</u>	<u>304.889.877.223</u>

### 4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Than hoạt tính, than nguyên liệu	119.137.947.434	120.724.254.366
- Sản phẩm từ trái dừa	111.471.991.427	138.117.445.296
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(616.274.522)	-
- Dự phòng giảm giá HTK	-	3.165.324.785
Cộng	<u>229.993.664.339</u>	<u>262.007.024.447</u>

### 5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.566.801	44.618.159
- Cổ tức được chia	59.758.000	59.758.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.614.785.536	679.792.038
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	430.337
Cộng	<u>1.703.110.337</u>	<u>784.598.534</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	1.492.585.703	477.539.984
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.537.571.250	269.214.522
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	126.252.847	2.248.768
<b>Cộng</b>	<b><u>3.156.409.800</u></b>	<b><u>749.003.274</u></b>

**7. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	2.314.089.216	2.097.383.155
- Chi phí vật liệu, bao bì	4.350.189.745	3.511.972.598
- Chi phí công cụ, dụng cụ	43.604.265	48.666.852
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.695.051	36.974.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.797.315.402	6.820.771.299
- Các chi phí khác	6.455.536.848	7.222.156.712
<b>Cộng</b>	<b><u>19.096.430.527</u></b>	<b><u>19.737.924.616</u></b>

**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.131.259.802	4.803.982.104
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	200.517.388	170.026.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.403.526.728	515.785.882
Thuế, phí lệ phí	1.122.506.331	460.528.044
Chi phí dự phòng	350.304.264	2.011.287.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.567.305.521	1.110.637.050
Các chi phí khác	1.639.437.524	2.764.826.820
<b>Cộng</b>	<b><u>11.414.857.558</u></b>	<b><u>11.837.074.464</u></b>

**9. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ vận chuyển hàng	524.832.000	-
Phí gia công xử lý mùn dừa	140.000.000	-
Thu chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	-	6.584.936
Thu nhập khác	155.859.351	1.718.493.963
<b>Cộng</b>	<b><u>820.691.351</u></b>	<b><u>1.725.078.899</u></b>

**10. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	243.554.876	-
Chi phí khác	220.976.328	45.472.774
<b>Cộng</b>	<b><u>464.531.204</u></b>	<b><u>45.472.774</u></b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	81.907.597	106.914.891
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(51.942.739)	(81.907.597)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.964.858</b>	<b>25.007.294</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.704.323.637	10.162.929.850
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(957.475.600)	(1.117.922.284)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.746.848.037	9.045.007.566
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	6.335.603	6.335.603
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.223</b>	<b>1.428</b>

(\*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước được xác định theo Nghị quyết số 01/NQĐH-TBC ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được xác định bằng 11% từ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo tỷ lệ trích của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	205.453.533.381	207.485.386.054
- Chi phí nhân công	23.864.980.984	20.783.401.193
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.095.649.455	7.522.277.019
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.356.854.875	11.045.728.597
- Chi phí khác	11.433.768.771	16.633.871.209
<b>Cộng</b>	<b>261.204.787.466</b>	<b>263.470.664.072</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	194.942.835.952	156.020.233.088
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>194.942.835.952</u></b>	<b><u>156.020.233.088</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	151.896.336.004	157.094.381.698
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>151.896.336.004</u></b>	<b><u>157.094.381.698</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(\*)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập đã phát sinh trong năm	2.070.378.262	1.480.007.544

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

**3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Là cổ đông lớn (chiếm 45,68%)	
<i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức	3.472.560.000	2.893.800.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh than hoạt tính, than nguyên liệu.
- Kinh doanh sản phẩm từ trái dừa.

<b>Năm nay</b>	<b>Than hoạt tính, than nguyên liệu</b>	<b>Sản phẩm từ trái dừa</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.634.880.875	127.856.166.552	273.491.047.427
Giá vốn hàng bán	118.521.672.912	111.471.991.427	229.993.664.339
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>27.113.207.963</b>	<b>16.384.175.125</b>	<b>43.497.383.088</b>

<b>Năm trước</b>	<b>Than hoạt tính, than nguyên liệu</b>	<b>Sản phẩm từ trái dừa</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.829.631.692	152.060.245.531	304.889.877.223
Giá vốn hàng bán	123.889.579.151	138.117.445.296	262.007.024.447
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>28.940.052.541</b>	<b>13.942.800.235</b>	<b>42.882.852.776</b>

**Khu vực địa lý**

<b>Năm nay</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.137.228.244	149.353.819.183	273.491.047.427
Giá vốn hàng bán	104.393.823.028	125.599.841.311	229.993.664.339
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>19.743.405.216</b>	<b>23.753.977.872</b>	<b>43.497.383.088</b>

<b>Năm trước</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.044.814.679	226.845.062.544	304.889.877.223
Giá vốn hàng bán	67.067.788.061	194.939.236.386	262.007.024.447
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>10.977.026.618</b>	<b>31.905.826.158</b>	<b>42.882.852.776</b>

**5. Số liệu so sánh****5.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>Tài sản</b>				
- Đầu tư ngắn hạn		715.790.000	(715.790.000)	-
- Chứng khoán kinh doanh	121	-	715.790.000	715.790.000
- Phải thu ngắn hạn khác	136	2.455.100	724.115.354	726.570.454
- Tài sản ngắn hạn khác	155	724.115.354	(724.115.354)	-
<b>Nguồn vốn</b>				
- Quỹ đầu tư phát triển	418	14.056.138.817	3.971.155.972	18.027.294.789
- Quỹ dự phòng tài chính		3.971.155.972	(3.971.155.972)	-
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Thu nhập khác	31	1.774.221.236	(49.142.337)	1.725.078.899
- Chi phí khác	32	94.615.111	(49.142.337)	45.472.774
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.604	(176)	1.428

**6. Tài sản đảm bảo**

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 20.820 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Rạch Lợp, Tiểu Cần, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 3.608,6 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Phú Vinh, Càng Long, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 8.944,7 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Phú Vinh, Càng Long, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 32.609,4 m<sup>2</sup> tại Văn phòng Công ty số 126 Bạch Đằng, Trà Vinh. Văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị tại văn phòng công ty, Xí nghiệp Rạch Lợp (T.Minh V.18).

Quyền sử dụng đất diện tích 3.542,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại ấp Long Bình, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Máy cắt kim loại, máy chấn kim loại, máy cuốn kim loại. Hệ thống đường dây trung thế và trạm biến thế 560KVA thuộc dự án đầu tư nhà máy cơ khí tàu thủy Trà Vinh (T.Minh V.18).

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**NGÔ KINH LUÂN**



**HUYNH KHẮC NHU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Trạng thái: Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	63.356.030.000	1.368.170.000	12.773.753.592	3.520.387.438	10.931.233.123	91.949.574.153
- Tăng trong năm trước	-	-	1.282.385.225	450.768.534	10.162.929.850	11.896.083.609
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	9.015.370.680	9.015.370.680
Số dư cuối năm trước	63.356.030.000	1.368.170.000	14.056.138.817	3.971.155.972	12.078.792.293	94.830.287.082
Trình bày lại theo TT 200/2014 – BTC	-	-	3.971.155.972	(3.971.155.972)	-	-
Số dư đầu năm nay	63.356.030.000	1.368.170.000	18.027.294.789	-	12.078.792.293	94.830.287.082
Tăng trong năm nay	-	-	1.442.283.966	-	8.704.323.637	10.146.607.603
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	-	8.704.323.637	8.704.323.637
- Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	1.442.283.966	-	-	1.442.283.966
- Giảm trong năm nay	-	-	-	-	10.162.929.850	10.162.929.850
Số dư cuối năm nay	63.356.030.000	1.368.170.000	19.469.578.755	-	10.620.186.080	94.813.964.835

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*NGÔ KINH LUÂN*

NGÔ KINH LUÂN

Trà Vinh, ngày 03 tháng 03 năm 2016.



HUYỀN KHẮC NHU



**DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH**

GƯỜI GỬI / FROM: CÔNG TY CP TRÀ BẮC

216, BACH DANG, P4, TP TRÀ VINH

TỈNH TRÀ VINH

el: 0742240441

EF 944262336



211

20873

10453

NGƯỜI NHẬN / TO: CTY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC), CN KV PHÍA NAM

Số 15, TRƯỜNG HINH, P6, Q3

TP HCM

Tel: (NGUYỄN GIỄN MẠNH, 0917161500)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN PHÁT NHANH BÙI ĐIỆN**  
**INPOST EXPRESS JOINT STOCK COMPANY**  
 hotline: 1900 54 54 33 / Website: www.ems.com.vn